

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2025/HS-ST

Ngày: 30-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Tuấn Nam.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Khuyển – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2025/TLST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2025, đối với bị cáo:

Lê Hoàng C, sinh năm 1980; HKTT: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (**địa chỉ sau sát nhập:** Ấp Đ, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh). Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S (đã chết) và bà Ngô Thị L; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội số 02/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của Ủy ban nhân dân xã T xử phạt Lê Hoàng C 2.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản. Lê Hoàng C đã nộp phạt ngày 01/02/2024. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/01/2025 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Công ty TNHH Một thành viên C2, địa chỉ: Khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương (**địa chỉ sau sát nhập:** Khu phố B, xã D, Thành phố Hồ Chí Minh). Đại diện: Ông Nguyễn Đức H, chức vụ: Tổng giám đốc. Đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Nguyễn Văn T - Phó trưởng phòng Thanh tra và Bảo vệ Công ty TNHH MTV C2;

+ Ông Nguyễn Thanh A - Phó giám đốc Nông trường C3;

+ Ông Trần Văn T1- Đội phó Bảo vệ Nông trường C3;

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Bà Nguyễn Thị Oanh T2, sinh năm 1980; HKTT: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (*địa chỉ sau sát nhập: Ấp Đ, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh*).

- **Người làm chứng:**

+ Ông Nguyễn Thanh T3;

+ Ông Nguyễn Văn Y;

+ Ông Nguyễn Quốc C1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 10 phút ngày 17 tháng 11 năm 2024, tại lô A Nông trường cao su T thuộc ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương, lực lượng bảo vệ của Nông trường cao su C3 phát hiện bà Nguyễn Thị O T2 hiện đang là công nhân khai thác mủ cao su tại Nông trường cao su C3 điều khiển xe mô tô biển số 61H1- 247.50 của bị cáo Lê Hoàng C (là chồng bà T2), trong cốp xe có 14kg mủ nước. Bị cáo khai nhận là người đã lấy trộm số mủ cao su và bỏ vào cốp xe mô tô biển số 61H1- 247.50 để mang về nhà bán lấy tiền tiêu xài. Bà Nguyễn Thị O T2 không biết ông C bỏ mủ cao su trong cốp xe đã điều khiển chiếc xe chạy về nhà, trên đường đi bị lực lượng bảo vệ Nông trường cao su T đã tiến hành kiểm tra phát hiện. Lực lượng bảo vệ Nông trường cao su C3 đang cân xác định trọng lượng mủ cao su bị lấy trộm là 14kg mủ nước, thì bị cáo đi đến dùng tay xé bọc nilon chứa mủ cao su bên trong làm cho mủ cao su đổ xuống đất nhằm tiêu hủy chứng cứ. Lực lượng bảo vệ Nông trường cao su C3 đã lập biên bản vụ việc và trình báo cơ quan Công an xã T.

Kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐĐG ngày 23/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện D kết luận: 14 kg mủ cao su hàm lượng 34 độ có giá trị: $14\text{kg} \times 34 \text{ độ} \times 470 \text{ đồng/độ} = 223.720 \text{ đồng}$. Kết luận định giá tài sản số 59/KL- HĐĐG ngày 26/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện D kết luận: 01 xe mô tô biển số 61H1- 247.50 mua tháng 2 năm 2015, trị giá hiện tại là 8.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 40/CT-VKSĐT-HS ngày 11/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng giữ nguyên quan điểm và quyết định truy

tổ đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và đề nghị:

- *Về hình phạt*: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; Điều 65; điểm b, i, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 06 năm đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm đến 01 năm 04 tháng.

- *Trách nhiệm dân sự*: Bị cáo đã bồi thường giá trị thiệt hại tài sản cho Nông trường cao su C3 số tiền 223.720 đồng. Bị hại không yêu cầu gì thêm nên ghi nhận.

- *Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng*: Đối với xe mô tô biển số 61H1- 247.50 là tài sản chung của Lê Hoàng C. Xét thấy, bị can dùng xe này sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiêu hủy 01 (một) bộ nilon màu trắng bị rách có dính mũ cao su.

Tại phiên tòa, bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và có ý kiến xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bị hại đề nghị Tòa án xét xử bị cáo theo quy định pháp luật. Về bồi thường, bị hại không yêu cầu gì thêm. Lời nói sau cùng: Bị cáo đã biết hành vi lấy trộm mũ cao su là vi phạm pháp luật và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B và Điều tra viên, Cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định và không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ có trong hồ sơ đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể: Ngày 17 tháng 11 năm 2024, tại lô A Nông trường cao su T thuộc ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương, bị cáo có hành vi trộm 14kg mũ nước bỏ vào cốp xe mô tô biển số 61H1- 247.50 để lấy tiền tiêu xài. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng được thu thập trong quá trình điều tra, truy tố có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên hành vi của bị cáo đủ căn cứ để Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố theo Cáo trạng số 40/CT-VKSDT-HS ngày 11/6/2025 và việc truy tố là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi lén lút lấy trộm tài sản của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án.

[4] Xét hành vi, động cơ, mục đích, mức độ phạm tội của bị cáo: Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, có đủ nhận thức để biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, muốn có được tài sản mà không cần bỏ sức lao động nên cố ý lấy trộm tài sản của người khác. Bị cáo trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có giá trị là 223.720 đồng theo Kết luận định giá tài sản số 50/KL-HĐĐG ngày 23/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện D. Do bị cáo từng bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nên lần trộm cắp này của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (02 tình tiết tại Khoản 1 Điều 51), có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục, không cần phải cách ly khỏi xã hội thì bị cáo vẫn có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội là phù hợp theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự được hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đồng thời, việc cho bị cáo hưởng án treo cũng như nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Đối với bà Nguyễn Thị O T2 không biết hành vi trộm mũ bỏ vào cốp xe của bị cáo nên không xử phạt vi phạm hành chính đối với bà T2.

[8] Ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo về phần tội danh, hình phạt, điều khoản truy tố là có căn cứ phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, được Hội đồng xét xử xem xét theo quy định khi quyết định hình phạt.

[10] Về xử lý vật chứng: Tiêu hủy 01 (một) bộ nilon màu trắng bị rách có dính mũ cao su. Tịch thu sung quỹ xe mô tô màu sơn đen đỏ, dung tích 124 cm³, loại xe hai bánh, số khung: RLHJC5384EY043937, số máy: JC54E2064440 là tài sản đứng tên bị cáo.

[11] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 và 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; Điều 46, 48, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Hoàng C phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Lê Hoàng C 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án sơ thẩm (ngày 30/6/2025).

Giao bị cáo Lê Hoàng C cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương (sáu sát nhập là UBND xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

2. Trách nhiệm dân sự: Bị cáo C đã bồi thường xong. Bị hại không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Tiêu hủy 01 (một) bộ nilon màu trắng bị rách có dính mũ cao su. Tịch thu vào ngân sách Nhà nước xe mô tô màu sơn đen đỏ, dung tích 124 cm³, loại xe hai bánh, số khung: RLHJC5384EY043937, số máy: JC54E2064440 của bị cáo Lê Hoàng C.

(Vật chứng nêu trên được thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng).

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Hoàng C phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18 - TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 18 - TP. Hồ Chí Minh;
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra-Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng PV 06-Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Phân trại tạm giam khu vực Dầu Tiếng - Trại tạm giam số 2, Thành Phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Dầu Tiếng, TP Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Nam